

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2020/DS-ST

Ngày: 10 - 12 - 2020

Về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH,
TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Yến**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Thạch**;

2. Ông **Đỗ Thành Ngọc**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Thảo Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Du** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **T. T. T. C**, sinh năm 1968; địa chỉ: số 45, ấp A, xã B, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **N. T. K. Đ**, sinh năm 1975; địa chỉ: số 615/18, Phường X, Quận Y, Thành phố H – là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 15/10/2020) – Có mặt.

- Bị đơn: Bà **N. T. B. T**, sinh năm 1966; địa chỉ: số nhà Ô 4/81, ấp C, xã B, thị xã H, tỉnh Tây Ninh – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 09 tháng 9 năm 2020, Đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 07/10/2020 và các lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/3/2020, bà T. T. T. C cho bà N. T. B. T vay số tiền 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng), thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 04/3/2020 đến ngày 04/9/2020, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Bà T đã trả lãi cho bà C được 01 tháng với số tiền 12.900.000 đồng (Mười hai triệu chín trăm nghìn đồng) thì ngưng không trả lãi nữa. Bà C thấy bà T khó khăn nên bà C đã thống nhất với bà T sẽ giảm lãi cho bà T từ 3% xuống còn 2%/tháng nhưng sau đó bà T cũng không trả thêm cho bà C khoản tiền lãi nào nữa. Khi cho vay số tiền 430.000.000 đồng hai bên có làm hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất vào ngày 04/3/2020 và công chứng tại Văn phòng Công chứng Lương Tâm Thanh. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất diện tích 1.662,8 m² thuộc thửa đất số 75, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại ấp C, xã B, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 477742, sổ vào sổ cấp GCN: CH06782 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 16/7/2018 cho bà N. T. B. T. Tuy nhiên, hết thời hạn vay bà T không trả tiền cho bà C theo thỏa thuận. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N. T. K. Đ yêu cầu bà N. T. B. T có nghĩa vụ trả cho bà T. T. T. C số tiền nợ gốc 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 20%/năm tương ứng với 1,66%/tháng kể từ ngày 04/3/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Đối với bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn – bà N. T. B. T trình bày:

Ngày 08/11/2018 tại Văn phòng công chứng Lương Tâm Thanh bà có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 75, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.662,8 m² tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện H (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh để vay của bà N. T. Th, sinh năm 1962, địa chỉ: số 38/5A, tổ 30, phường TQ, quận PT, Thành phố H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Đến ngày 28/11/2018 bà vay tiếp của bà Th số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Ngày 26/01/2019 vay tiếp 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Tổng cộng bà vay của bà Th số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng). Lãi suất thỏa thuận là 4%/tháng. Do bà làm ăn thua lỗ không có tiền đóng lãi cho bà Th nên bà Th cộng tiền lãi vào tiền gốc thành số tiền 430.000.000 đồng

(Bốn trăm ba mươi triệu đồng). Sau đó bà Th giới thiệu bà vay tiền của bà T. T. T. C để trả nợ cho bà Th vì bà C chỉ tính lãi 3%/tháng. Bà cũng đồng ý vay tiền của bà C để trả nợ cho bà Th nên ngày 04/3/2020 bà ra Văn phòng Công chứng Lương Tâm Thanh ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 75, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.662,8 m² tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện H (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh để vay bà T. T. T. C số tiền 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng). Thời hạn vay là 06 tháng, kể từ ngày 04/3/2020 đến ngày 04/9/2020. Lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, bà đã trả tiền lãi cho bà C được số tiền 12.900.000 đồng (Mười hai triệu chín trăm nghìn đồng). Do việc làm ăn gặp khó khăn nên tiền gốc bà chưa trả cho bà C được khoản nào, tiền lãi bà chỉ trả được 01 tháng với số tiền 12.900.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Nay bà xác nhận bà còn nợ bà C số tiền 430.000.000 đồng. Đối với khoản tiền mà bà vay của bà Th bà đã giải quyết xong nên bà không còn nợ bà Th khoản tiền nào nữa, giữa bà và bà Th cũng không có tranh chấp gì về số tiền 430.000.000 đồng nữa. Tại phiên tòa, bà T đồng ý trả cho bà C số tiền 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng), bà không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của bà Đ vì bà không có khả năng. Khi ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thì bà C đã giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà nên nay bà yêu cầu bà C trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/10/2020, người làm chứng bà N. T. Th trình bày:

Trước đây (bà không nhớ thời gian), bà T có thể chấp cho bà quyền sử dụng đất của bà T để vay số tiền 100.000.000 đồng, khoản vay này hai bên có ra Văn phòng công chứng Lương Tâm Thanh ký hợp đồng thế chấp. Sau đó bà T có vay thêm của bà nhiều khoản tiền khác nữa, lúc thì vay 50.000.000 đồng, lúc thì vay 70.000.000 đồng, lúc vay 30.000.000 đồng ... Tổng cộng số tiền bà T vay của bà là 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng). Do trong số tiền 430.000.000 đồng bà cho bà T vay có cả tiền của bà và tiền của người khác nên khi người khác đòi tiền thì bà yêu cầu bà T trả lại nhưng bà T không có tiền trả nên bà có giới thiệu bà T vay tiền bà C để trả nợ cho bà. Sau khi bà T trả đủ số tiền 430.000.000 đồng thì bà và bà T đã ra Văn phòng công chứng Lương Tâm Thanh hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà các bên đã ký trước đó. Nay bà T không còn nợ bà khoản tiền nào nữa, giữa bà và bà T cũng không có tranh chấp gì về số tiền trên nên bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà C và bà T.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền vay gốc 430.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày 04/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà C có nghĩa vụ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T. Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến và yêu cầu của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn, lời khai của người làm chứng và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 430.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật nên đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ ấp C, xã B, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

[2] Xét yêu cầu trả số tiền nợ gốc 430.000.000 đồng của nguyên đơn thấy rằng:

Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày ngày 04/3/2020 bà N. T. B. T có vay của bà T. T. T. C số tiền 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng), thời hạn vay 06 tháng, kể từ ngày 04/3/2020 đến ngày 04/9/2020. Để đảm bảo cho số tiền vay 430.000.000 đồng bà T đã thế chấp quyền sử dụng đất của bà là phần đất diện tích 1.662,8 m² thuộc thửa đất số 75, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại ấp C, xã B, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, thời hạn thế chấp 06 tháng, kể từ ngày 04/3/2020 đến ngày 04/9/2020. Chứng cứ xác nhận nợ là Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 04/3/2020 tại Văn phòng công chứng Lương Tâm

Thanh, số công chứng 1763, quyển số 05TP/CC-SCC/HĐGD. Bà T cũng thừa nhận ngày 04/3/2020 bà có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên để vay bà C số tiền 430.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng. Bà T trình bày do công việc làm ăn bị thua lỗ nên đến hạn bà không trả nợ cho bà C và từ ngày đến hạn trả nợ cho đến nay, tiền gốc bà T vẫn chưa trả cho bà C khoản tiền nào. Việc bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, nay bà C khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền gốc 430.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thấy rằng:

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/tháng và tiền lãi đã trả được 01 tháng với số tiền 12.900.000 đồng (Mười hai triệu chín trăm nghìn đồng). Sau đó, hai bên thỏa thuận giảm lãi từ 3%/tháng xuống còn 2%/tháng. Mức lãi suất do hai bên thỏa thuận là vượt quá quy định của pháp luật nên cần phải xem xét tính lại tiền lãi là phù hợp. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Đ yêu cầu tính lãi của số tiền vay 430.000.000 đồng theo mức lãi suất 20%/năm tương đương 1,66%/tháng kể từ ngày 04/3/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Đối với tiền lãi đã nhận bà Đ đồng ý khấu trừ vào tiền lãi theo quy định. Xét yêu cầu tính lãi của bà Đ là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tiền lãi được tính từ ngày 04/3/2020 đến ngày 10/12/2020 là 09 tháng 06 ngày và được tính như sau:

$$430.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 09 \text{ tháng } 06 \text{ ngày} = 65.669.700 \text{ đồng}.$$

Bà C đã nhận tiền lãi 12.900.000 đồng nên tiền lãi bà T còn phải trả là 52.769.700 đồng, được làm tròn là 52.770.000 đồng (Năm mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền nợ gốc 430.000.000 đồng và tiền lãi 52.770.000 đồng, tổng cộng là 482.770.000 đồng (Bốn trăm tám mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

[4] Xét tính hợp pháp và hiệu lực của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà N. T. B. T và bà T. T. T. C thấy rằng:

Để đảm bảo cho khoản vay 430.000.000 đồng giữa bà T và bà C đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản thế chấp là phần đất diện tích 1.662,8 m² thuộc thửa đất số 75, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện H (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có công chứng tại Văn phòng công chứng Lương Tâm Thanh ngày 04/3/2020, số công chứng 1763, quyển

số 05TP/CC-SCC/HĐGD. Việc ký hợp đồng thế chấp do hai bên hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên nội dung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là hợp pháp, đúng quy định tại khoản 1 Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 119 Bộ luật Dân sự 2015 thì *“Trường hợp luật quy định giao dịch dân sự phải được thể hiện bằng văn bản có công chứng, chứng thực, đăng ký thì phải tuân theo hình thức đó”* và khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013 quy định *“Việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính”*. Như vậy, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà T và bà C không đăng ký theo quy định của pháp luật nên không phát sinh hiệu lực. Do đó, bà C có nghĩa vụ trả lại cho bà T 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 477742, số vào sổ cấp GCN: CH06782 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 16/7/2018.

[5] Bà T trình bày số tiền 430.000.000 đồng bà vay của bà C có nguồn gốc do bà thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 75, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.662,80 m² tọa lạc tại ấp C, xã B, thị xã H, tỉnh Tây Ninh để vay của bà N. T. Th số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 08/11/2018. Đến ngày 28/11/2018 bà vay tiếp của bà Th số tiền 120.000.000 đồng. Ngày 26/01/2019 vay tiếp 40.000.000 đồng. Tổng cộng bà vay của bà Th số tiền 260.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận là 4%/tháng. Do bà làm ăn thua lỗ không có tiền trả lãi cho bà Th nên bà Th cộng tiền lãi vào tiền gốc thành số tiền 430.000.000 đồng. Sau đó bà Th giới thiệu bà vay của bà C 430.000.000 đồng để trả cho bà Th. Qua lấy lời khai bà Th thì bà Th trình bày bà T có thế chấp quyền sử dụng đất cho bà để vay tiền của bà nhiều lần, tổng cộng số tiền vay là 430.000.000 đồng, không có việc bà cộng tiền lãi với tiền gốc thành số tiền 430.000.000 đồng. Tuy lời khai của bà T và bà Th có mâu thuẫn nhưng giữa bà T và bà Th đều thống nhất bà T không còn nợ bà Th khoản tiền nào nữa, bà Th không có yêu cầu gì trong vụ án này và tại phiên tòa bà T cũng xác nhận giữa bà và bà Th không có tranh chấp về số tiền 430.000.000 đồng này mà bà chỉ còn nợ bà C số tiền 430.000.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử không đưa bà Th tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và không xem xét, giải quyết đối với số tiền vay 430.000.000 đồng giữa bà T và bà Th.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Án phí được tính như sau:

$20.000.000 \text{ đồng} + (82.770.000 \text{ đồng} \times 4\%) = 23.310.800 \text{ đồng}$, được làm tròn là 23.311.000 đồng (Hai mươi ba triệu ba trăm mười một nghìn đồng).

Bà C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. T. T. C đối với bà N. T. B. T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà N. T. B. T có nghĩa vụ trả cho bà T. T. T. C số tiền 482.770.000 đồng (Bốn trăm tám mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng), trong đó, tiền gốc là 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng), tiền lãi là 52.770.000 đồng (Năm mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bà T. T. T. C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà N. T. B. T không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà N. T. B. T còn phải trả cho bà T. T. T. C số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Bà T. T. T. C có nghĩa vụ trả lại cho bà N. T. B. T 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 477742, số vào sổ cấp GCN: CH06782 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 16/7/2018 mang tên N. T. B. T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N. T. B. T phải chịu 23.311.000 đồng (Hai mươi ba triệu ba trăm mười một nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà T. T. T. C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.494.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009115 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

(Đã ký)

Phạm Thị Yến